

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-6-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng.

Ông Đặng Công Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn V; sinh năm 1956; cư trú tại: Đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị H; sinh năm 1956; cư trú tại: Hoa Kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Ngô Văn V, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, quận N, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, nay là phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08-5-1977. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì bà H xuất cảnh sang Hoa Kỳ ở với các con; ông đã nhiều lần thuyết phục nhưng bà H không đồng ý về lại Việt

Nam. Nay ông xác định là không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa nên nguyện vọng của ông là được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông và bà Phạm Thị H có 03 con chung là Ngô Minh Đ, sinh ngày 14-01-1978; Ngô Thị Quỳnh T, sinh ngày 29-10-1979 và Ngô Minh H, sinh ngày 20-6-1981.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Phạm Thị H không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn bà Phạm Thị H, trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, thì bà H gửi cho Tòa án văn bản ghi ngày 12-4-2021, có nội dung thống nhất như ông Ngô Văn V đã trình bày ở trên và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V; đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Ngô Văn V là công dân Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại Đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn bà Phạm Thị H; quốc tịch: Việt Nam; cư trú tại địa chỉ: Hoa Kỳ, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn bà Phạm Thị H, theo đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của đương sự đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, bà H đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ. Theo đó, bà H xác định là không thể về Việt Nam để tham dự giải quyết việc ly hôn với ông Ngô Văn V; đồng thời đề nghị Tòa án sớm mở phiên tòa để giải quyết yêu cầu ly hôn cho bà và ông V, do đó Tòa án không mở phiên họp hòa giải, theo quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự và mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà H, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Ngô Văn V đối với bà Phạm Thị H thì thấy, từ năm 2017 vợ chồng mỗi người sống một nơi, vợ chồng không sống gần nhau để yêu thương, chăm sóc cho nhau và cho gia đình, nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt; ông V đã nhiều lần yêu cầu bà H về sống với ông ở Việt Nam nhưng bà H không đồng ý. Đến nay, ông V và bà H đều tự xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn bà H của ông V là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các con chung của ông Ngô Văn V và bà Phạm Thị H đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động; ông V, bà H không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ông Ngô Văn V phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 464, Điều 469, điểm c khoản 1 Điều 474, khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ngô Văn V đối với bà Phạm Thị H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Ngô Văn V được ly hôn với bà Phạm Thị H.

2. Về án phí: Ông Ngô Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002750 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông Triều đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Ngô Văn V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Phạm Thị H không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân phường P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam